TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 528/2018/HS-PT
Ngày: 20-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Lệ

Bà Đoàn Thị Hương Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Thị Trúc Đào - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Dương Ngọc Ân - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 478/2018/HSPT ngày 22/10/2018 đối với bị cáo Huỳnh Thị C và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị C, Phạm Văn T, Nguyễn Thị Thúy V, Đặng Kim T, Bùi Thị Thanh X, Trần Hương S, Phan Thị H, Khưu Quốc Hư đối với bản án hình sự sơ thẩm số 73/2018/HSST ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1970 tại Tiền Giang; Thường trú: 18 lô 8 đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 232 đường Ba Đình, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị K; Vợ: Ngô Thị Anh L, có 02 con, lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 11/5/1993 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo bản án số 111/HSST; Ngày 18/4/1998 bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản của công dân" theo bản án số 104/HSST; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

2. Huỳnh Thị C, sinh năm 1960 tại Sài Gòn; Thường trú và chỗ ở: 52 lô D, đường Phạm Văn C, Phường Z, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông: Huỳnh Văn Ch (chết) và bà Nguyễn Thị V (chết); Chồng: Nguyễn Văn Đ và 06 con lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày

08/9/2017 đến ngày 18/9/2017; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

3. Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1973 tại Sài Gòn; Thường trú và chỗ ở: 90/16H đường Tuệ T, Phường N, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Văn Đương (chết) và bà Nguyễn Thị Lệ (chết); Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 03/12/1997 bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù nHư cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" theo bản án số 202/HSST; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2018; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

4. Đặng Kim T, sinh năm 1949 tại Hà Nội; Thường trú: 362/28 Nguyễn Đình O, Phường L, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Ấp 2, 3 xã Đa P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Đặng Hữu C (chết) và bà Hoàng Thị T (chết); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

5. Bùi Thị Thanh X, sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú và chỗ ở: 574/15/20 Khu phố 4, phường V, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2018; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

6. Trần Hương S, sinh năm 1973 tại Sài Gòn; Thường trú: 550/25/4 đường H, Phường U, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: H; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Chung Kha Nam (chết) và bà Trần Ngọc Muối (chết); Có vợ: Tạ Lê Kiều X và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2018; Bị cáo tại ngoại.

7. Phạm Thị H, sinh năm 1970 tại Sài Gòn; Thường trú: 73 Tôn Thất Tyết, Phường Q, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Tống Hòa L (chết) và bà Phạm Thị T; Có chồng Phan Văn T (chết) và có 02 con cùng sinh năm 1991; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 02/02/2017 bị Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" theo quyết định số 0031021); Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2018; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

8. Khưu Phước Hư, sinh năm 1971 tại Sài Gòn; Thường trú: 134/22 đường Lạc Long Quân, Phường V, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: H; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Khưu X H (chết) và bà Trần Ngọc L; Có vợ: Nguyễn Thị Hồng N và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2018; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 10 ngày 08/9/2017, tại nhà số 206 đường M, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan Cảnh sát điều tra (C45) - Bộ Công an bắt quả tang Lại Đăng KH, Đỗ Thị Bích L, Phan Bé Th, Nguyễn Văn Ch đang có hành vi tổ chức cho 25 đối tượng : Phạm Văn T, Nguyễn Văn Kiều, Huỳnh Thị C, Phan Thị Hương, Quách Mỹ Thanh, Tăng Kiến Ng, Châu Văn K, Nguyễn Thị Thúy V, Trương Văn T, Nguyễn Hoàng Ngọc M, Đặng Kim T, Mã Tú L, Bùi Thị Thanh X, Trần Hương S, Lư Kiến Đ, Đinh Thị L, Phạm Thị H, Lê Thị T D, Nguyễn Thị M, Khưu Phước Hư, Lê Thị G, Phạm Hữu H2, Trình Ngọc L, Phạm Vũ Hồng V2, Trương Thanh Linh đánh bạc dưới hình thức đánh bài Baccarat trên máy và đối tượng Chu Thị Minh đang xem đánh bạc. Qua truy xét và thông qua lời khai của Lại Đăng KH, ngày 10/9/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra (C45) - Bộ Công an đã tiến hành bắt khẩn cấp Nguyễn Trung H3, Ngô Ngọc Thanh S2.

Hành vi đánh bạc của các con bạc:

1. Phạm Văn T: Khoảng 17 giờ ngày 08/9/2017, T đến sòng bạc, sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc. T đánh bạc ở máy số 1, C nhiều ván, mỗi ván đánh từ 200 điểm đến 300 điểm (tức từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng). T đang đánh bạc thì bị bắt. Lúc này, thẻ của T còn 3704 điểm (tức 3.704.000 đồng), T thắng 704 điểm tức 704.000 đồng, số điểm H hồng là 182 điểm (tức 182.000 đồng)

2. Huỳnh Thị C: Khoảng 12 giờ 30 ngày 08/9/2017, C đến sòng bạc, sử dụng tổng cộng 5.000.000 đồng mua thẻ 5.000 điểm để đánh bạc. C đánh bạc ở máy số 5, C nhiều ván, mỗi ván đánh từ 100 điểm đến 300 điểm (tức từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng). C cho Bùi Thị Thanh X C ké 03 ván, mỗi ván X đánh 100.000 đồng, Ta cả ba ván. C đang đánh bạc trên máy thì bị bắt. Lúc này, thẻ của C còn 730 điểm (tức 730.000 đồng), số điểm H hồng là 101 điểm (tức 101.000 đồng), C Ta 4.270 điểm (tức 4.270.000 đồng). Ngoài ra, tối ngày 07/09/2017, C đến sòng bạc và sử dụng 2.000.000 đồng mua 2.000 điểm để đánh bạc, C nhiều ván, mỗi ván đánh từ 100 điểm đến 300 điểm, C thắng 500 điểm (tức 500.000 đồng)

3. Nguyễn Thị Thúy V: Khoảng 9 giờ ngày 08/9/2017, V đến sòng bạc và sử dụng tổng cộng 20.000.000 đồng mua 02 thẻ, mỗi thẻ 10.000 điểm để đánh bạc. V để một thẻ vào máy 14 cho con bạc C nhằm hưởng tiền H hồng, thẻ còn lại V dùng đánh bạc tại máy 15. V đánh khoảng hơn 10 ván, mỗi ván đánh từ 100 điểm đến 300 điểm (từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng). V đang đánh

bạc trên máy thì bị bắt quả tang. Lúc này, thẻ tại máy 15 còn 18.910 điểm, V thắng 8910 điểm (tức 8.910.000 đồng), điểm H hồng là 223 điểm (tức 223.000 đồng). V cho Trương Văn T ngồi máy số 14 để đánh bạc. Lê Thị T Dung đánh ké tại máy số 14 và 15. Trương Thanh L, Phạm Hữu H, Đặng Kim T đánh ké máy số 15. Ngoài ra, ngày 07/9/2017, V mang theo 5.000.000 đồng để đánh bạc, V đánh ké (không xác định con bạc nào cho V đánh ké) 3 ván, V thắng 300.000 đồng.

4. Đặng Kim T: Khoảng 16 giờ 30 ngày 08/9/2017, T mang theo 2.500.000 đồng để đánh bạc. T đánh ké Nguyễn Thị Thúy V ở máy 15 nhiều ván, mỗi ván đánh 100.000 đồng, thanh toán tiền thắng, Ta mỗi ván trực tiếp với V. Khi đang đánh bạc thì bị bắt quả tang, kết quả T Ta 1.100.000 đồng, còn lại 1.400.000 đồng đã bị T giữ.

5. Bùi Thị Thanh X: Khoảng 12 giờ ngày 08/9/2017, X đến sòng bạc, do hết máy nên X đánh ké Huỳnh Thị C tại máy số 5 ba ván, mỗi ván 100 điểm (tức 100.000 đồng), Ta 300 điểm (tức 300.000 đồng). Sau đó, X được Nguyễn Hoàng Ngọc Mai (ngồi ở máy số 18) đưa thẻ để đánh bạc tại máy 17 (thẻ này trước đó Mai đã cho các con bạc khác mượn để C). Sau khi nhận thẻ từ Mai, X C bốn ván, mỗi ván đánh từ 100 điểm đến 400 điểm (tức từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng), kết quả hòa. Khi X đang đánh bạc trên máy 17 thì bị bắt. Lúc này, thẻ tại máy 17 còn 8635 điểm, điểm H hồng là 454 điểm (tức 454.000 đồng). Kết quả, X Ta 300.000 đồng.

6. Trần Hương S: Ngày 08/9/2017, S mang theo 4.600.000 đồng để đánh bạc. S bỏ 3.000.000 đồng mua 3.000 điểm để đánh bạc tại máy số 16. S đánh nhiều ván, mỗi ván đánh từ 200 điểm đến 600 điểm (tức 200.000 đồng đến 600.000 đồng). Sau đó, vì Ta hết 3.000 điểm nên S tiếp tục bỏ 1.500.000 đồng mua 1.500 điểm để đánh bạc tiếp đến khi bị bắt. Lúc này, thẻ của S tại máy 16 còn 3.055 điểm (tức 3.055.000 đồng), số điểm H hồng 142 điểm (tức 142.000 đồng). Kết quả, S Ta 1.445.000 đồng.

7. Phạm Thị H: Khoảng 16 giờ ngày 08/9/2017, H sử dụng 5.000.000 đồng mua 5.000 điểm để đánh bạc tại máy số 6. H đánh nhiều ván, mỗi ván từ 100 điểm đến 200 điểm (tức 100.000 đồng đến 200.000 đồng). Trong lúc H đang đánh bạc thì bị bắt. Lúc này, thẻ của H còn 7940 điểm (tức 7.940.000 đồng). Kết quả, H thắng 2.940.000 đồng, điểm H hồng là 157 điểm (tức 157.000 đồng). Ngoài ra, H đến sòng bạc ngày 06/9/2017 sử dụng 2.000.000 đồng và ngày 07/9/2017 sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc. Kết quả, ngày 06/9/2017, H thắng 1.000.000 đồng. Ngày 07/9/2017, H thắng 2.000.000 đồng.

8. Khưu Phước Hư: Ngày 08/9/2017, Hư sử dụng 3.000.000 đồng mua 3.000 điểm để đánh bạc tại máy số 2. Hư đánh nhiều ván, mỗi ván từ 100 điểm

đến 300 điểm (tức 100.000 đồng đến 300.000 đồng). Khi thắng được 2400 điểm (tức 2.400.000 đồng), Hư đã đổi 2.400 điểm ra 2.400.000 đồng, số điểm còn lại trong thẻ là 3000 điểm được Hư dùng để đánh bạc tiếp cho đến khi trong thẻ còn khoảng 600 điểm. Sau đó, Hư bỏ 2.400.000 đồng mua thêm 2.400 điểm để đánh tiếp, trong lúc đang đánh thì bị bắt. Lúc này, thẻ của Hư còn 730 điểm (tức 730.000 đồng), tiền H hồng là 1063 điểm (tức 1.063.000 đồng). Kết quả, Hư Ta 2.270.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 73/2018/HSST ngày 14/9/2018 , Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T, Huỳnh Thị C, Nguyễn Thị Thúy V, Đặng Kim T, Bùi Thị Thanh X, Trần Hương S, Phạm Thị H, Khưu Phước Hư phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Văn T;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt giữ, tạm giữ (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Thị C;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị C 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt giữ, tạm giữ (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Thúy V;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt giữ, tạm giữ (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Thúy V.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58

Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đặng Kim T;

Xử phạt bị cáo Đặng Kim T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt giữ, tạm giữ (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Bùi Thị Thanh X;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh X 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt giữ, tạm giữ (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo X.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Hương S;

Xử phạt bị cáo Trần Hương S 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt giữ, tạm giữ (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo S.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Thị H;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt giữ, tạm giữ (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Khưu Phước Hư;

Xử phạt bị cáo Khưu Phước Hư 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt giữ, tạm giữ (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hư.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử đối với các bị cáo Ngô Ngọc Thanh Sang Lại Đăng KH, Đỗ Thị Bích Ly, Phan Bé Thảo, Nguyễn Trung Hoàng, Nguyễn Văn Chánh phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; Các bị cáo Nguyễn Văn Kiều, Phan Thị Hương, Quách Mỹ Thanh, Tăng Kiến Nghiệp, Châu Văn Khá, Trương Văn Thanh, Nguyễn Hoàng Ngọc Mai, Mã Tú Linh, Lư Kiến Đức, Đinh Thị Lệ, Lê Thị T Dung, Nguyễn Thị Mai, Lê Thị Giang, Phạm Hữu Hiền, Trình Ngọc Long, Phạm Vũ Hồng V, Trương Thanh Linh phạm tội "Đánh bạc". Và xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/9/2018 bị cáo Phạm Văn T kháng cáo, ngày 26/9/2018 bị cáo Trần Hương S kháng cáo, ngày 21/9/2018 bị cáo Phạm Thị H kháng cáo, ngày 25/9/2018 bị cáo Nguyễn Thị Thúy V kháng cáo, ngày 21/9/2018 bị cáo Đặng Kim T kháng cáo, ngày 20/9/2018 bị cáo Khưu Phước Hư kháng cáo, ngày 21/9/2018 bị cáo Bùi Thị Thanh X kháng cáo, ngày 21/9/2018 bị cáo Huỳnh Thị C kháng cáo đều với nội dung xin hưởng án treo

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã tuyên, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đồng thời nhận định bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo Huỳnh Thị C, Đặng Kim Th, Bùi Thị Thanh X, Trần Hương S, Khưu Phước Hư, Phạm Văn T, Nguyễn Thị Thúy V, Phạm Thị H về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo là không có căn cứ, các bị cáo không đưa ra tình tiết giảm nhẹ hình phạt mới nào. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Bộ Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân J, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân J, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hình thức đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xử, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 10 ngày 08/9/2017, tại nhà số 206 đường Bà Hạt, Phường 9, J, Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan Cảnh sát điều tra (C45) - Bộ Công an bắt quả tang Lại Đăng KH đang có hành vi tổ chức đánh bạc cho 25 con bạc C dưới hình thức đánh bạc với nhau trên máy Baccarat số tiền đánh bạc đối với từng bị cáo được xác định là tổng số tiền đánh bạc mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể: 80.600.000 đồng (Th giữ từ 25 bị cáo có cơ sở xác định dùng vào việc đánh bạc) + 135.764.000 đồng (tức 135.764 điểm trong 29 thẻ tích điểm mà người đánh bạc đã nạp tiền, quy đổi) = 216.364.000 đồng. Trong đó, bị cáo Huỳnh Thị C mang theo 5.000.000 đồng, bị cáo Đặng Kim Th mang theo 5.000.000 đồng, bị cáo Trần Hương S mang theo 4.600.000 đồng, bị cáo Khưu Phước Hư mang theo 3.000.000 đồng, bị cáo Bùi Thị Thanh X đánh ké với bị cáo C tại máy số 5 ba ván, mỗi ván 100 điểm (tức 100.000 đồng), Tha 300 điểm (tức 300.000 đồng) sau đó, X được Nguyễn Hoàng Ngọc Mai (ngồi ở máy số 18) đưa thẻ để đánh bạc tại máy 17 (thẻ này trước đó Mai đã cho các con bạc khác mượn để C). Sau khi nhận thẻ từ Mai, X C bốn ván, mỗi ván đánh từ 100 điểm đến 400 điểm (tức từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng), bị cáo Phạm Thị H mang theo 5.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Thúy V mang theo 20 triệu đồng, bị cáo Phạm Văn T mang theo 3.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên bố và xét xử các bị cáo Huỳnh Thị C, Đặng Kim Th, Bùi Thị Thanh X, Trần Hương S, Khưu Phước Hư, Phạm Văn T, Nguyễn Thị Thúy V, Phạm Thị H về tội "Đánh bạc" theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung 2009) là đúng người, đúng tội, không oan sai và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Đặng Kim Th, Trần Hương S, Khưu Phước Hư, Bùi Thị Thanh X, Huỳnh Thị C. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi đánh bạc của các bị cáo mang tính chất giản đơn, nhất thời, số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc không lớn. Mặt khác, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có đơn xin xem xét hoàn cảnh gia đình khó khăn và đều là lao động chính đang đi làm ổn định, bị cáo Th sinh năm 1949, già yếu, bệnh tật. Ngoài ra các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và trường hợp này không Thộc trường hợp cấm cho hưởng án treo theo Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về án treo nên áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tác dụng giáo dục phòng ngừa. Cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét về nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ nHư mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo Huỳnh Thị C, Đặng KimTh, Bùi Thị Thanh X, Trần Hương S, Khưu Phước Hư có phần nghiêm khắc.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Thúy V. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo. Đồng thời, xem xét các tình tiết giảm nhẹ về nhân thân, về thái độ khai báo thành khẩn để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân xấu, cụ thể: Bị cáo T ngày 11/5/1993 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo bản án số 111/HSST; Ngày 18/4/1998 bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản của công dân" theo bản án số 104/HSST; bị cáo V ngày 03/12/1997 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù nHư cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" theo bản án số 202/HSST; bị cáo H ngày 02/02/2017 bị Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" theo quyết định số 0031021), xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét mức án đối với các bị cáo là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, H, V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Trên đây là lập luận của Hội đồng xét xử đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Kiến nghị: Sau khi xem xét toàn diện hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Đỗ Thị Bích L, Phan Bé V, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Trung H4, Ngô Ngọc Thanh S2, Lại Đăng KH không kháng cáo, không bị Viện Kiểm sát kháng nghị về tội danh cũng như hình phạt nên không Thộc thẩm quyền xem xét của cấp phúc thẩm. Tuy nhiên, cần kiến nghị xem xét lại điều khoản truy tố, xét xử để tương xứng với tính chất, mức độ và vai trò cụ thể của các bị cáo này trong vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị C, Đặng Kim Th, Bùi Thị Thanh X, Trần Hương S, Khưu Phước Hư.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Thị Thúy V, Phạm Thị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T, Huỳnh Thị C, Nguyễn Thị Thúy V, Đặng Kim Th, Bùi Thị Thanh X, Trần Hương S, Phạm Thị H, Khưu Phước Hư phạm tội "Đánh bạc".

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Văn T;

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt giữ, tạm giữ (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017).

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Thúy V;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thúy V** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt giữ, tạm giữ (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017).

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Thị H;

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị H** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt giữ, tạm giữ (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 18/9/2017).

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Thị C;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị C** 02 (hai) năm tù, nHư cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Thị C cho Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Huỳnh Thị C cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật hi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đặng Kim Th;

Xử phạt bị cáo **Đặng Kim Th** 02 (hai) năm tù, nHư cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đặng Kim Th cho Ủy ban nhân dân Phường L, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Đặng Kim Th cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật hi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Bùi Thị Thanh X;

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị Thanh X** 02 (hai) năm tù, nHư cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị Thanh X cho Ủy ban nhân dân phường V, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Bùi Thị Thanh X cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật hi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Hương S;

Xử phạt bị cáo **Trần Hương S** 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Hương S cho Ủy ban nhân dân Phường U, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Trần Hương S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật hi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Khưu Phước Hư;

Xử phạt bị cáo **Khưu Phước Hư** 02 (hai) năm tù, nHư cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Hương S cho Ủy ban nhân dân Phường V, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Khưu Phước Hư cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật hi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND J; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (8)
- Chi cục THA J; (1)
- TAND J; (2)
- Công an J; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (8)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (32) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà